

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1929/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29 -10 - 2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Nguyễn Kim Yến

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Khang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1340/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 386/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 285/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Chi L, sinh năm 1955 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Chi L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 2004, không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc sau đó đến khoảng năm 2011 thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bị bệnh nhưng không nhận được sự quan tâm chăm sóc từ người vợ, nên tình cảm ngày càng phai nhạt, cũng trong thời gian này thì bà C hay đi ra ngoài đòi học lái xe và quen biết với người đàn ông khác, đến năm 2018 ông có làm đơn yêu cầu ly hôn, sau đó đến giữa năm 2019 ông có làm đơn rút đơn để mong muốn đoàn tụ và cho bà C có cơ hội sửa chữa lỗi lầm. Nhưng

sau đó bà C lại tiếp tục quan hệ với người đàn ông khác, hằng ngày thường xuyên lên mạng, dù ông đã khuyên nhủ nhưng bà vẫn không sửa chữa lỗi lầm. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà C được nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ của ông và bà C là vợ chồng. Ông cũng có yêu cầu sau khi đã giải quyết không công nhận mối quan hệ của ông và bà C là vợ chồng thì ông yêu cầu bà C ra khỏi nhà ông trong thời gian từ 01 - 03 tháng, sau khi bà C ra khỏi nhà ông sẽ hỗ trợ bà C số tiền 50.000.000đồng, để bà C thuê nhà ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Hữu Kim N, sinh ngày 25/5/2007 ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà C cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông cho rằng không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Hữu Chi L chung sống như vợ chồng từ năm 2004, không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn giữa ông bà phát sinh từ năm 2017 mỗi khi ông L giận lên là đòi ly hôn với bà, mặc dù chung sống với ông L nhưng ông L lại không chịu đi đăng ký kết hôn, cũng như không tổ chức lễ cưới hỏi, sống với ông L tuy là vợ nhưng bà cũng làm việc rất vất vả và cũng có lương như người khác, trước đây bà không muốn ly hôn nhưng giờ bà rất mệt mỏi nên ông L yêu cầu không công nhận quan hệ giữa ông bà là vợ chồng bà cũng đồng ý. Nhưng sau khi ly hôn bà yêu cầu ông L mua cho bà 01 căn nhà tại thành phố Hồ Chí Minh để ổn định cuộc sống của 02 mẹ con bà.

- Về con chung: Có 01 trẻ tên Nguyễn Hữu Kim N, sinh ngày 25/5/2007 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng tùy theo ông L nhưng phải đủ cho chi phí tiền ăn, tiền học của con gì ông L khá giả nên có khả năng cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà cho rằng không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Chi L thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, bị đơn bà Nguyễn Thị C đang cư trú tại quận Bình Thạnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố

Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bị đơn bà Nguyễn Thị C tự khai và khi mời để kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và có biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự thì bà có mặt nhưng khi Tòa án tiến hành mời xét xử thì bà Cúc vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành thủ tục giải quyết sự vắng mặt của bà C theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu Chi L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của ông nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Xét việc ông Nguyễn Hữu Chi L và bà Nguyễn Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy việc ông L và bà C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Nguyễn Hữu Chi L khởi kiện xin ly hôn căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hữu Chi L và bà Nguyễn Thị C. Ông L cũng có yêu cầu là sau khi ly hôn trong thời gian từ 01 - 03 tháng yêu cầu bà C phải dọn ra khỏi nhà ông, xét bà C cũng cho rằng căn nhà hiện tại đang sống tại đường N, Phường M, quận B là của riêng ông L, bà không có tranh chấp trong vụ án này nên việc ông L yêu cầu sau khi Tòa án không công nhận quan hệ của ông L và bà C là vợ chồng thì yêu cầu bà C phải dọn ra khỏi nhà ông trong khoảng thời gian từ 01 -03 tháng là phù hợp nên chấp nhận. Ông L cũng cho rằng sau khi bà C dọn ra khỏi nhà ông sẽ hỗ trợ bà C số tiền 50.000.000đồng để bà C thuê nhà và ổn định cuộc sống xét đây là sự tự nguyện của đương sự có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với yêu cầu của bà C cho rằng sau khi Tòa án không công nhận quan hệ của ông L và bà là vợ chồng yêu cầu ông L phải mua cho bà căn nhà để sống và nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này của bà C khi ghi nhận ý kiến ông L không đồng ý, bà C cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử không xét. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống ông L và bà C có 01 trẻ Nguyễn Hữu Kim N, sinh ngày 25/5/2007 theo giấy khai sinh số 114 ngày 11/6/2007 của Ủy ban nhân dân xã Sơn Bình, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu cấp. Ông L và bà C đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là trẻ N. Trong hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của trẻ N cho rằng muốn được sống với cha vì hiện tại trẻ đang học tại trường Trung Học cơ sở Lê Văn Tám, và cha cũng là người thường xuyên đưa rước

trẻ đi học, trước giờ trẻ đều sống tại căn nhà của cha nên đã ổn định cuộc sống, không muốn thay đổi. Hội đồng xét xử thấy rằng cả ông L và bà C cùng muốn là người trực tiếp nuôi trẻ N nhưng hiện tại trẻ đang sống tại nhà ông L và cũng đang ổn định cuộc sống, ông L lại có điều kiện kinh tế cũng như thời gian cho trẻ còn bà C hiện tại sau khi ly hôn cũng chưa có chỗ ở ổn định, cũng như công việc nên sẽ không lo được chu toàn cho bé N và bé N cũng có nguyện vọng sống với cha nên việc giao con cho ông L nuôi là phù hợp. Ông L cũng không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà C đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho ông Nguyễn Hữu Chi L theo quy định (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Nguyễn Hữu Chi L và bà Nguyễn Thị C là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hữu Kim N, sinh ngày 25/5/2007 giao con chung cho ông Nguyễn Hữu Chi L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà C đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Bà C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong khoảng thời gian từ 01- 03 tháng bà C phải dọn ra khỏi nhà đường N, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L hỗ trợ bà C số tiền 50.000.000đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có và cũng không có yêu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Chi L được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh